

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 179/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23/9/2022

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1) Bà Hoàng Lệ Chi

2) Bà Ngô Thị Diệu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Ly – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 443/2022/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 199/2022/QĐST - HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2022/QĐST- HNGĐ ngày 06/9/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị D, sinh năm 1984; trú tại: Thôn 6, xã Tr, huyện T, tỉnh B. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Văn Quang T, sinh năm 1977; nơi ĐKKHKT: Xá X, huyện H, tỉnh T; tạm trú: Số 256/25B, khu phố Đ 4, phường B, thành phố A, tỉnh D; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Trương Thị D trình bày:

Chị D và anh T tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh B theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 14, quyển số 01, ngày 19/7/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Cuối năm 2021 vợ chồng sống ly thân đến

nay. Nay chị D nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Văn Quốc K, sinh ngày 20/9/2007 và Văn Ngọc Khánh L, sinh ngày 04/02/2016. Chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi con Văn Ngọc Khánh L, anh T nuôi con Văn Quốc K, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, ngày 16/8/2022 chị D thay đổi yêu cầu được nuôi 02 con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân tại nơi cư trú cho biết không có thông tin trình báo về mâu thuẫn giữa vợ chồng Chị D, anh T.

Anh T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng dân sự:

[1.1] Chị D khởi kiện anh T yêu cầu được ly hôn, anh T hiện đang trú tại phường An Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Anh T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt Chị D có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt Chị D, anh T theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị D và anh T tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tr, huyện T, tỉnh B theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 14, quyển số 01, ngày 19/7/2006, do đó quan hệ hôn nhân giữa Chị D và anh T là hợp pháp.

[2.2] Quá trình tố tụng chị D xác định cuộc sống hôn nhân của vợ chồng chị từ năm 2021 đến nay không hạnh phúc, nguyên nhân do bất đồng quan điểm

sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, anh T không có trách nhiệm với gia đình vợ con. Anh T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt, coi như từ bỏ quyền trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị D. Xét, mâu thuẫn của vợ chồng chị D và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị D được ly hôn với anh T.

[2.3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Văn Quốc K, sinh ngày 20/9/2007 và Văn Ngọc Khánh L, sinh ngày 04/02/2016. Chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, cháu K và cháu L còn nhỏ, hiện các cháu đang ở cùng với Chị D, để ổn định tâm lý và cuộc sống của các cháu nên tiếp tục giao các cháu cho Chị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị D đối với bị đơn anh Văn Quang T về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con.

- Về hôn nhân: Chị Trương Thị D được ly hôn với anh Văn Quang T (theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 14, quyển số 01, ngày 19/7/2006 do Ủy ban nhân dân xã Tr, huyện T, tỉnh B cấp).

- Về con chung: Giao 02 con chung là Văn Quốc K, sinh ngày 20/9/2007 và Văn Ngọc Khánh L, sinh ngày 04/02/2016 cho Chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của Chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, chị D và anh T có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con, khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai số 0004078 ngày 12/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- UBND xã Lâm Trạch, huyện Bô Trạch, tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Viết Nam